

Hiệp Hòa, ngày 22 tháng 09 năm 2026

PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU
KHOA PHÒNG VÀ SỐ GIƯỜNG / GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU
(Tại một thời điểm)
(Kèm theo bản công bố số 482 /BV-KHNV ngày 22 tháng 09 năm 2026)

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chức danh	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Vũ Văn Hoàn	Bác sĩ	BSCKII. Ngoại khoa	001090/BG-CCHN cấp ngày 22/8/2013	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	23 năm	Phụ lục 1	Phụ lục 1	Khoa ngoại	90
2	Nguyễn Văn Thuận	Bác sĩ	BSCKI. Nội khoa	006447/BG-CCHN Cấp ngày 13/9/2017	Khám bệnh, chữa bệnh hệ Ngoại -Sản	11 năm			Khoa ngoại	90
3	Hoàng Thị Thu Hiền	Điều dưỡng	Điều dưỡng đại học	003897/BN-CCHN cấp ngày 21/6/2016	Quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTL T-BYT BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	12 năm			Khoa ngoại	90

4	Triệu Văn Việt	Bác sĩ	BSCKI.Sản phụ khoa	000512/BN- GPHN cấp ngày 09/07/2025	Y khoa	27 năm			Khoa Nội - Truyền nhiễm	100
5	Nguyễn Duy Phụng	Bác sĩ	BSCKI. Sản phụ khoa	001056/BG- CCHN	Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phụ sản	28 năm			Khoa Phụ sản - CSSKSS	60
6	Đào Minh Thành	Bác sĩ	Bác sỹ CKI Sản phụ khoa	001075/BG- CCHN ngày cấp 22/08/2013	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phụ Sản	19 năm			Khoa Phụ sản - CSSKSS	60
7	Đặng Thị Quý	Điều dưỡng	Hộ sinh trung cấp từ 2005 đến 2015, Điều dưỡng đại học chuyên ngành sản phụ khoa (2016) đến nay	000862/BN- GPHN ngày cấp 11/11/2025	Hộ sinh	18 năm			Khoa Phụ sản - CSSKSS	
8	Nguyễn Thị Hương Anh	Hộ sinh	Cử nhân hộ sinh	009069/BG- CCHN ngày 26/07/2023	Hộ sinh	2 năm			Khoa phụ sản- CSSKSS	
9	Trần Văn Hoan	Bác sĩ	Bác sỹ đa khoa (2009) BCCKI(2018) ghi và đọc điện tâm đồ cơ bản (2014)	001099/BG- CCHN cấp ngày 06/10/2020	Khám bệnh, chữa bệnh hệ Nội - Nhi	24 năm			Khoa Nội- Truyền nhiễm	100

10	Nguyễn Đình Hiệp	Bác sĩ	BSCKI. Nội	001038/BG-CCHN cấp ngày 22/08/2013	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	17 năm			Khoa Nội-Truyền nhiễm	100
11	Hoàng Hải Yên	Bác sĩ	Bác sỹ đa khoa (2018)	008358/BG-CCHN cấp ngày 14./03/2022	Khoa Nội Tổng Hợp	6 năm			Khoa Nội-Truyền nhiễm	
12	Thân Thị Tuyết	Bác sĩ	Bác sĩ chuyên khoa cấp 1 Nội khoa	0004976/BG-CCHN cấp ngày 4/11/2015	Khám bệnh, chữa bệnh hệ Nội -Nhi	12 năm			Khoa Nội-Truyền nhiễm	100
13	Dương Hồng Thảo	Điều dưỡng	Cử nhân Điều dưỡng (2015) Điều dưỡng CKI (2022)	006309/BG-CCHN cấp ngày 14/7/2017	Quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTL T-BYT BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	11 năm			Khoa Nội-Truyền nhiễm	
14	Nguyễn Đức Thông	Bác sĩ	BSCKII. Nhi khoa	0004128/BG-CCHN	Bác sĩ khám chữa bệnh chuyên khoa Nhi	20 năm			Khoa nhi-hồi sức cấp cứu	55
15	Hoàng Thị Ngọc Lê	Bác sĩ	BSCKI. Nhi khoa	005589/BG-CCHN. Cấp ngày 11/8/2016	Khám bệnh, chữa bệnh hệ Nội - Nhi	12 năm			Khoa nhi-hồi sức cấp cứu	55
16	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Bác sĩ	Bác sỹ y khoa (2019) Chứng chỉ Điện tâm đồ cơ bản (2022) Chứng chỉ	008354/BG-CCHN cấp ngày 02/03/2022	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	4 năm			Khoa Nhi-HSCC	

			Cấp cứu nhi khoa cơ bản (2023)							
17	Vũ Thị Mỹ Duyên	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa (2013)	008372/BG-CCHN ngày 21/03/2022	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	6 năm			Khoa Liên chuyên khoa	
18	Nguyễn Kim Chi	Điều dưỡng	Thạc sĩ điều dưỡng	001013/BG-CCHN. Cấp ngày 13/09/2023	Thực hiện công việc của điều dưỡng Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	19 năm			Khoa nhi-HSCC	55
19	Nguyễn Thị Liễu	Điều dưỡng	Cử nhân điều dưỡng	002541/TNG-CCHN ngày 16/12/2013	Điều dưỡng	11 năm			Khoa nhi-HSCC	
20	Trần Thị Giang	Bác sĩ	BSCKI. Truyền nhiễm	001107/BG-CCHN	Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh nội khoa, không làm các thủ thuật chuyên khoa	19 năm			Khoa khám bệnh đa khoa	
21	Dương Minh Nam	Bác sĩ	BSCKI. YHDP	007764/BG-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh đa khoa	23 năm			Khoa khám bệnh đa khoa	
22	Nguyễn Văn Nho	Bác sĩ	BSCKI. Tai mũi họng	001008/BG-CCHN cấp ngày	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai - Mũi - Họng	4 năm			Khoa khám bệnh đa khoa	

				22/08/2013						
23	Nguyễn Thị Loan	Bác sĩ	BSCKI. Nội khoa	001098/BG-CCHN - cấp ngày 22/8/2013	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội	28 năm			Khoa khám bệnh đa khoa	
24	Nguyễn Thị Loan	Điều dưỡng	Cử nhân điều dưỡng (2017)	000343/LCH-CCHN ngày 10/07/2013	Thực hiện công việc của điều dưỡng Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	17 năm			Khoa truyền nhiễm	
25	Nguyễn Thị Loan	Điều dưỡng	Điều dưỡng chuyên khoa I	001250/BG-CCHN ngày 22/08/2013	Thực hiện công việc của điều dưỡng Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	16 năm			Khoa liên chuyên khoa	
26	Nguyễn Ngọc Tứ	Bác sĩ	BSCKI. Mắt	001111/BG-CCHN	Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	19 năm			Khoa liên chuyên khoa	35
27	Chu Quang Minh	Bác sĩ	BSCKI. Tai-Mũi-Họng	001096/BG-CCHN	Bác sĩ chuyên khoa Tai Mũi Họng	13 năm			Khoa liên chuyên khoa	35
28	Nguyễn Thị Thu Hằng	Bác sĩ	BS CKI. Da liễu	001108/BG-CCHN cấp	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	23 năm			Khoa liên chuyên khoa	35

				ngày 20/10/2017						
29	Nguyễn Thị Thanh	Điều dưỡng	Cử nhân đại học điều dưỡng (2009)	001249/BG-CCHN cấp ngày 22/8/2013	Thực hiện công việc của điều dưỡng Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	15 năm			Khoa liên chuyên khoa	
30	Đào Văn Khiêm	Bác sĩ	BS chuẩn đoán hình ảnh	001611/BG-CCHN	Bác sĩ chuyên khoa CĐHA	28 năm			Khoa chẩn đoán hình ảnh- Thăm dò chức năng	
31	Lưu Thùy Linh	Bác sĩ	BS CKI chẩn đoán hình ảnh	007362/BG-CCHN cấp ngày 20/9/2019 635/QĐ-SYT ngày 11/03/2026 bổ sung phạm vi hành nghề: Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi; Khám chữa bệnh Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh Theo quyết định bổ sung số 635/QQĐ-SYT ngày 11/03/2026	8 năm			Khoa chẩn đoán hình ảnh- Thăm dò chức năng	
32	Trần Thị Mai Trang	Bác sĩ	BS CKI chẩn đoán hình ảnh	007024/BG-CCHN ngày cấp 22/10/2018	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh theo quyết định bổ sung số 1815/QĐ-SYT ngày 28/07/2023	19 năm			Khoa chẩn đoán hình ảnh- Thăm dò chức năng	

33	Nguyễn Mạnh Hùng	Bác sĩ	BS Xét nghiệm	0004978/BG-CCHN ngày cấp 04/11/2015	Chuyên khoa Xét Nghiệm	28 năm			Khoa xét nghiệm	
34	Trương Thị Thanh Mai	Bác sĩ	Bác sĩ CKI giải phẫu bệnh	007104/BG-CCHN ngày cấp 09/01/2019	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Giải phẫu bệnh	14 năm			Khoa xét nghiệm	
35	Dương Thị Bích	Thạc sĩ	Thạc sỹ kỹ thuật xét nghiệm y học	006451/BG-CCHN, ngày cấp 13/9/2017	Chuyên khoa Xét nghiệm	12 năm			Khoa xét nghiệm	
36	Ngô Thị Yến	Điều dưỡng	CD điều dưỡng (2009) CN điều dưỡng (2024). Chứng chỉ trợ giúp bác sĩ nội soi tiêu hóa(2024)	000966/BG-GPHN cấp ngày 16/6/2025	Điều dưỡng	17 năm			Chẩn đoán hình ảnh-thăm dò chức năng	
37	Nguyễn Thị Mười	Điều dưỡng	Cử nhân điều dưỡng	001005/BG-GPHN ngày 24/06/2025	Điều dưỡng	29 năm			Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn	
38	Tạ Bá Đô	Bác sĩ	BSCKI. YHCT	005630/BG-CCHN	Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	23 năm			Khoa YHCT	30
39	Nguyễn Đình Vũ	Bác sĩ	BS. CKI YHCT	008089/BG-CCHN- cấp ngày 23/05/2021	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền	6 năm			Khoa YHCT	30
40	Nguyễn Ngọc Tuấn	Bác sĩ	Bác sĩ YHCT (2012) ,	007708/BG-CCHN ngày 05/08/2020		22 năm			Khoa PHCN	

			Chứng chỉ Đào tạo liên tục định hướng chuyên khoa Phục hồi chức năng (2020)		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền					
41	Nguyễn Văn Mạnh	Bác sĩ	Bác sĩ YHCT (2013) Chứng chỉ Đào tạo liên tục Phục hồi chức năng cơ bản (2022)	006761/BG-CCHN ngày 30 tháng 3 năm 2018	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	12 năm			Khoa PHCN	
42	Nguyễn Thị Thúy	Cử nhân	Cao đẳng phục hồi chức năng (2011) Cử nhân kỹ thuật phục hồi chức năng (2019)	000978/BG-GPHN - cấp ngày 16/06/2025	Phục hồi chức năng	12 năm			Khoa PHCN	
43	Nguyễn Thê Huy	Dược sĩ	DSCKI. Dược lí-Dược lâm sàng	1081/BG-CCHND	Hành nghề dược	19 năm			Khoa dược-TTBYT	
44	Nguyễn Thanh Hoài	Dược sĩ	DSCKI. Dược lí-Dược lâm sàng	60/CCHN-D-SYT-BG	Hành nghề dược	14 năm			Khoa dược-TTBYT	
45	Nguyễn Thị Hằng	Dược sĩ	Dược sỹ đại học	2411/CCHN-D-SYT-BG	Hành nghề dược	20 năm			Khoa dược-TTBYT	

